TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2023/DSPT;
Ngày: 25-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyết Linh

Ông Lê Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2023/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 572/2023/QĐXX-PT ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Việt Phương T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp L, xã Lương H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Lâm Hữu N, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: 72/4 T, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2023)

- *Bị đơn:*

1. Ngô Trang Mỹ X, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 13, Ô B, Khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Tấn H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Thanh G, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Số 78A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2023 và nộp cho Hội đồng xét xử ngày 22/02/2023)

Người kháng cáo: Bị đơn Ngô Trang Mỹ X và Nguyễn Tấn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm;*

- *Nguyên đơn chị Trần Việt Phương T trình bày:* Vào ngày 20/9/2022, chị có cho vợ chồng chị X, anh H vay số tiền 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng (thỏa thuận miệng), thời hạn vay là 02 tháng tức đến ngày 20/11/2022 thì chị X, anh H phải trả số tiền vốn vay cho chị, chị X và anh H làm biên nhận nợ và ký tên trong biên nhận nợ cho chị, nội dung biên nhận nợ là do chị X viết nên đã ghi nhầm thời hạn vay 02 tháng thành 03 tháng. Sau khi vay tiền, chị X và anh H không trả lãi và vốn cho chị T theo thỏa thuận.

Hiện nay, chị X và anh H còn nợ chị số tiền vốn là 4.500.000.000 đồng. Nay chị khởi kiện yêu cầu chị X, anh H trả cho chị số tiền nợ là 4.500.000.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, chị không yêu cầu chị X, anh H trả lãi đối với số tiền trên.

- *Bị đơn chị Ngô Trang Mỹ X và anh Nguyễn Tấn H trình bày:* Vợ chồng chị có vay của chị T số tiền 4.500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/tháng (thỏa thuận miệng), trả lãi hàng tháng, thời hạn vay là 02 tháng, ngày 20/11/2022 vợ chồng chị phải trả lại toàn bộ số tiền vốn cho chị T. Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng chị không có đóng tiền lãi hàng tháng cho chị T, đồng thời mất khả năng chi trả, không có tiền trả lại vốn vay cho chị T. Nay vợ chồng chị đồng ý trả số tiền 4.500.000.000 đồng và trả 01 lần theo yêu cầu của chị T.

Theo biên bản hòa giải ngày 13/01/2023 Chị X và anh H xin trả dần số tiền nợ như sau: Trả trước 1.000.000.000 đồng cho chị T, thời gian trả khi chị X và anh H bán được 03 thửa đất ở ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; còn số tiền 3.500.000.000 đồng còn lại thì chị X, anh H sẽ trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 15/7/2023 cho đến khi trả xong nợ.

+ Anh Trần Thanh G là đại diện ủy quyền của bị đơn chị X và anh H trình bày: chị T có cho anh H, chị X vay nhiều lần tiền với tổng số tiền là 4.500.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 800.000 đồng/100.000.000 đồng/ngày (tương đương 24%/tháng). Việc giao dịch vay mượn giữa nguyên

đơn và bị đơn bắt đầu từ khoảng tháng 8/2022 đến ngày 25/10/2022 thì ngưng giao dịch.

Ngày 20/9/2022, chị T yêu cầu bị đơn viết lại biên nhận với tổng số tiền nợ là 4.500.000.000 đồng. Thực tế, không có việc giao nhận tiền giữa chị T và anh H, chị X mà chỉ là tổng kết nợ bao gồm tiền vốn và tiền lãi (không nhớ rõ số tiền vốn và tiền lãi cụ thể).

Quá trình giao dịch từ tháng 8/2022 đến tháng 10/2022, bị đơn có trả lãi đầy đủ cho nguyên đơn với mức lãi suất 24%/tháng trong 03 tháng (tháng 8, 9, 10) với số tiền khoảng hơn 2.000.000.000 đồng.

Nay anh H, chị X đồng ý trả số tiền 4.500.000.000 đồng nhưng yêu cầu được khấu trừ lại số tiền lãi đã đóng vượt mức lãi suất theo quy định pháp luật khoảng hơn 2.000.000.000 đồng.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2023/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang: Căn cứ 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Việt Phương T đối với chị Ngô Trang Mỹ X, anh Nguyễn Tấn H.

Buộc chị Ngô Trang Mỹ X va anh Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Việt Phương T số tiền nợ vay là 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng). Thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị X, anh H chậm trả số tiền nêu trên thì chị X, anh H còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 06 tháng 3 năm 2023, bị đơn Ngô Trang Mỹ X và Nguyễn Tấn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc nguyên đơn khấu trừ lại số tiền lãi bị đơn đã đóng vượt mức lãi suất theo qui định của pháp luật là 2.000.000.000 đồng vào số nợ vốn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của hai bị đơn là Trần Thanh G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị cấp phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ ở ngân hàng về số tiền chị X đã chuyển khoản trả lại cho chị T để khấu trừ vốn. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Lâm Hữu N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết tranh chấp.

* Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án từ lúc thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng theo luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Việt Phương T, buộc bị đơn Ngô Trang Mỹ X và Nguyễn Tấn H phải trả cho chị T 4.500.000.000 đồng tiền nợ vay là có căn cứ đúng pháp luật. Chị X, anh H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị X, anh H giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe các đương sự trình bày ý kiến phát biểu tranh luận và nội dung phân tích, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Chị Mỹ X, anh Tấn H thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định đúng theo Điều 271, 272, 273 và 276 của BLTTDS nên được chấp nhận xét xử phúc thẩm.

Nguyên đơn ủy quyền cho anh Lâm Hữu N làm đại diện. Bị đơn ủy quyền cho anh Trần Thanh G làm đại diện. Việc ủy quyền thực hiện theo Điều 85 và 86 BLTTDS qui định nên được chấp nhận tư cách tham gia tố tụng.

[2] Nguyên đơn khởi kiện các bị đơn trả lại tiền vay, tranh chấp này là hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 34, 35, 39 của BLTTDS và các Điều 166, 280, 288, 351, 357, 463 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

Nguyên đơn Trần Việt Phương T trình bày: Vào ngày 20/9/2022 chị có cho vợ chồng chị Ngô Trang Mỹ X và anh Nguyễn Tấn H vay 4.500.000.000 đồng thời hạn vay 02 tháng với lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, khi vay có làm biên nhận nhưng sau khi vay thì chị X và anh H không trả vốn và lãi theo thỏa thuận nên chị T khởi kiện yêu cầu chị X, anh H trả lại 4.500.000.000 đồng tiền vốn không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Ngô Trang Mỹ X và Nguyễn Tấn H đều thừa nhận có vay và hiện vẫn còn nợ chị T số tiền 4.500.000.000 đồng như chị T trình bày. Vợ chồng anh chị đồng ý trả lại chị T 4.500.000.000 đồng như chị T yêu cầu. Lời thừa nhận này được chị X, anh H tự khai và ký tên ngày 15/12/2022 (bút lục 32).

Tại biên bản hòa giải ngày 16/01/2023 người đại diện theo ủy quyền của chị X, anh H là chị Nguyễn Thị Liên cũng thừa nhận chị X, anh H còn nợ chị T 4.500.000.000 đồng nhưng xin cho chị X, anh H trả trước 1.000.000.000 đồng còn lại 3.500.000.000 đồng chị X, anh H xin được trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ (bút lục 43).

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Trần Thanh G là người đại diện theo ủy quyền của chị X, anh H cho rằng: Xuân, anh H có vay của chị T nhiều lần tổng cộng 4.500.000.000 đồng nhưng với lãi suất 24%/tháng với số tiền lãi khoảng hơn 2.000.000.000 đồng. Anh G yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đóng vượt vào tiền vốn (bút lục 90, 91).

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc chị X, anh H trả cho chị T 4.500.000.000 đồng nhưng chị X, anh H không đồng ý nên kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của chị X và anh H nhận thấy: Chị T yêu cầu chị X, anh H trả 4.500.000.000 đồng theo giấy mượn tiền do chị X viết và cùng anh H ký nhận ngày 20/9/2022, Giấy mượn tiền có nội dung: "Tôi tên Ngô Trang Mỹ X SN 1990 CMND 312044442 tại CA.TG Chồng tôi Nguyễn Tấn H SN 1985 CMND 311805 295 tại CA.TG. Ngày 20/9/2022, tôi có mượn tiền của chị Trần Việt Phương T địa chỉ Chợ Gạo TG số tiền 4.500.000.000 đồng thời hạn vay là 3 tháng là ngày 20/11/2022 tôi sẽ hoàn trả đủ số tiền đã mượn trên. Nếu tôi không hoàn trả đủ theo thời hạn trên tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật". Giấy mượn tiền có chữ ký, dấu vân tay và ghi đầy đủ họ tên chị X, anh H (bút lục 22).

Quá trình giải quyết chị X, anh H và chị Nguyễn Thị L là người đại diện cho chị X, anh H đều thừa nhận có nợ chị T 4.500.000.000 đồng như chị T yêu cầu, ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu nào khác. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền mới của chị X, anh H là Trần Thanh G lại khai nại rằng anh H, chị X không có nhận số tiền 4.500.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 20/9/2022. Trong số tiền chị X, anh H thừa nhận thì có khoảng 2 tỷ đến 2,5 tỷ là tiền lãi được chuyển vào tài khoản của chị T nên yêu cầu được khấu trừ vào số vốn của giấy mượn tiền ngày 20/9/2022 nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời khai của anh G nên không được Tòa sơ thẩm chấp nhận. Sau khi Tòa sơ thẩm xử, chị X anh H tiếp tục kháng cáo với nội dung yêu cầu nêu trên nhưng chị X anh H cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ có liên quan đến nội dung kháng cáo để chứng minh cho yêu cầu của anh chị. Về yêu cầu xin tạm ngừng phiên tòa của anh G là không có cơ sở chấp nhận vì chứng cứ có trong hồ sơ đã rõ ràng nên không cần tạm ngừng kéo dài thời gian. Vì vậy Tòa phúc thẩm không có cơ sở xem xét nên vẫn giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Chị X, anh H phải chịu theo qui định tại Điều 147, 148 BLTTDS và Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, 293, 296 khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Trang Mỹ X và anh Nguyễn Tấn H.

Giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 22/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 5 khoản 3 Điều 26, 34, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 166, 280, 288, 351, 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự. Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Việt Phương T. Buộc chị Ngô Trang Mỹ X và anh Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Việt Phương T 4.500.000.000 đồng.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị X, anh H chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được qui định tại Điều 357 và 468 của BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị X và anh H phải cùng chịu 112.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị X và anh H đã nộp theo biên lai thu số 0025733 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C do Nguyễn Huỳnh Thanh S nộp thay xem như nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm đã xong.

- Trả lại cho chị T 56.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025354 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C do Nguyễn Thị Mỹ N nộp.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Hoàng Khải